

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST

Ngày 13 - 8 - 2018

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Việt

Ông Trương Quang Huy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quảng, Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 13 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2018/TLST-HNGĐ ngày 04/6/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1994

Trú tại: Thôn H, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Võ Đức H, sinh năm 1993

Trú tại: Thôn H, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 04/6/2018 và bản tự khai ngày 22/6/2018, tại phiên tòa thì nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Võ Đức H lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình ngày 09/7/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống với bố mẹ đẻ của anh Hiệp ở Thôn H, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Trong quá trình chung sống vì do vợ chồng không hợp tính tình nên thường xuyên cãi nhau mặc dù chị đã cố gắng nhẫn nhịn nhưng anh ngày càng chửi bới xúc phạm chị và gia đình chị. Đến năm 2015 chị đã đưa con về nhà ngoại ở Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình, từ đó vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh Võ Đức H.

Về quan hệ con cái: Chị và anh Võ Đức H có một con chung là Võ Thị Trúc D, sinh ngày 17/01/2014. Từ ngày vợ chồng chị sống ly thân cho đến nay cháu D

được chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con cho đến khi con trưởng thành và không yêu cầu anh H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con vì chị có đủ điều kiện.

Về quan hệ tài sản: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Võ Đức H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo việc thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập anh đến Tòa án và Ủy ban nhân dân xã H nhiều lần để giải quyết việc chị Nguyễn Thị T xin ly hôn, nhưng anh Võ Đức H vắng mặt không có lý do và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết.

Qua xác minh tại địa phương (UBND xã H) anh Võ Đức H đang có hộ khẩu thường trú tại địa phương. Qua xác minh tại gia đình (bố mẹ đẻ anh H) thì anh Võ Đức H đều nhận được thông tin (các văn bản tố tụng) liên quan đến việc giải quyết vụ án) mà Tòa án tổng đạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập anh Võ Đức H đến Tòa án và Ủy ban nhân dân xã H họp lệ nhiều lần để giải quyết việc chị Nguyễn Thị T xin ly hôn, nhưng anh Võ Đức H vắng mặt không có lý do và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết.

Qua xác minh tại địa phương (UBND xã H) thì anh Võ Đức H đang có hộ khẩu thường trú tại địa phương. Mặt khác, bố mẹ đẻ của anh H cho biết anh H đã được thông tin (các văn bản tố tụng) về việc giải quyết vụ án do Tòa án tổng đạt. Anh Võ Đức H được Tòa án triệu tập 02 lần đến tham gia tố tụng tại phiên tòa vào các ngày 27/7/2018 và ngày 13/8/2018, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt anh Võ Đức H là có căn cứ.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Võ Đức H lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 09/7/2013 tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung cùng bố mẹ đẻ của anh H ở Thôn H, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hợp tính tình nên thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2015 chị đã đưa con về nhà ngoại ở Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình sinh sống, từ đó vợ chồng sống ly thân không ai còn quan tâm đến ai. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng khó có thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị T được ly hôn anh H là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình.

[2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Võ Đức H có một con chung là Võ Thị Trúc D, sinh ngày 17/01/2014. Hiện nay đang ở với chị T. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành và không yêu cầu anh Võ Đức H phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con vì chị có đủ điều kiện. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của chị T là chính đáng, cần được chấp nhận và cũng phù hợp khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn : Chị Nguyễn Thị T phải chịu theo luật định.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, xử cho Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Võ Đức H.

2/Về con chung: Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử giao con chung là Võ Thị Trúc D, sinh ngày 17/01/2014 cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (18 tuổi). Anh Võ Đức H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định tại khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

3/Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Quảng Bình theo biên lai số 0001779 ngày 04/6/2018.(Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm).

Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm(13/7/2018) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm; anh Võ Đức H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình nơi anh thường trú./.

Nơi nhận:

- VKS huyện Lệ Thủy;
- Tòa án tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS Lệ Thủy;
- Các đương sự;
- UBND xã Hưng Thủy;
- Lưu VP; HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dương

